

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty mẹ - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam (sau đây gọi tắt là “ Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Bảo đảm hoạt động bay Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108624 ngày 30/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 03 ngày 11/02/2015.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là: 2.552.746.000.000 đồng (Hai nghìn năm trăm năm mươi hai tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Theo Quyết định số 1237/QĐ-BGTVT ngày 22/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải, vốn điều lệ của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam là 3.138.401.000.000 đồng (Ba nghìn một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm linh một triệu đồng).

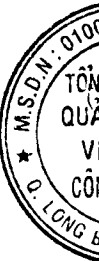
Bộ Giao thông Vận tải được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ đảm bảo hoạt động bay;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (trừ câu lạc bộ bắn súng);
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu (trừ các hoạt động Nhà nước cấm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
 - + Thiết kế kiến trúc công trình;
 - + Thiết kế nội, ngoại thất công trình;
 - + Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
 - + Thiết kế hệ thống điện công trình sân bay;
 - + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
 - + Thiết kế hệ thống điện điều khiển, mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng sân bay.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu dựa trên các Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

STT Đơn vị

- 1 Văn phòng Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam
- 2 Công ty Quản lý bay miền Bắc
- 3 Công ty Quản lý bay miền Trung
- 4 Công ty Quản lý bay miền Nam
- 5 Trung tâm Hiệp đồng Điều hành bay
- 6 Trung tâm Thông báo Tin tức Hàng không

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Từ ngày 01/01/2015, Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp đích danh.

Đối với các vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay, căn cứ văn bản số 6951/BTC-TCĐN ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính và văn bản số 7512/BGTVT-TC ngày 12/6/2015 của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty xây dựng cơ chế quản lý vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay và áp dụng, cụ thể như sau:

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại trên 01 năm và các vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) mua sắm theo dự án đầu tư sẽ ghi tăng vào nguyên giá của hệ thống tài sản và được quản lý, theo dõi, sử dụng và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm sẽ quản lý là công cụ, dụng cụ điều hành bay phân bổ vào chi phí tối đa 03 năm. Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị dưới 30 triệu đồng) sẽ quản lý theo dõi trong kho, khi xuất dùng ghi tăng chi phí thường xuyên của Tổng Công ty.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	05 - 08

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Phần mềm máy vi tính. Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty con được ghi nhận và phản ánh trong báo cáo tài chính của Công ty mẹ theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm từ công ty con mà Tổng Công ty có tham gia góp vốn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 02 năm.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu dịch vụ điều hành bay qua phát sinh trong năm được ghi nhận bằng giá bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý thực hiện theo Quyết định số 4405/QĐ-BGTVT ngày 15/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Doanh thu cung cấp dịch vụ điều hành bay đi, đến; điều hành bay nội địa và dịch vụ khác được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ các khoản lợi nhuận được chia từ công ty con, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán ngoại tệ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

- Dịch vụ điều hành bay qua chịu thuế suất là 0%;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc tế đi, đến chịu thuế suất là 0%;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc nội bay quốc tế chịu thuế suất 10%;
- Dịch vụ điều hành bay nội địa chịu thuế suất 10%.

Thuế GTGT đầu ra phải nộp của hoạt động điều hành bay được kê khai, nộp thuế và khấu trừ tập trung tại Công ty mẹ theo tỷ lệ tổng số phải thu chịu thuế GTGT và số phải thu không chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT đầu vào và đầu ra phải nộp đối với hoạt động kinh doanh và hoạt động khác được kê khai, khấu trừ và nộp tại nơi phát sinh.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 của Quốc hội về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp” và Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được Tổng Công ty áp dụng trong năm 2016 là 20%.

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Tổng Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Phí bay qua vùng trời Việt Nam được nộp 100% vào ngân sách nhà nước theo Thông tư số 196/2015/TT-BTC ngày 01/12/2015 của Bộ Tài chính.

Tiền thuê đất được hạch toán và thực hiện nộp theo thông báo của cơ quan chức năng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

4 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty mẹ - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam là Công ty TNHH Kỹ thuật quản lý bay.

5 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

5.1 Tiền

	30/06/2016 (VND)	31/12/2015 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	1,786,259,143	1,134,193,997
Tiền gửi ngân hàng	708,615,285,382	595,683,640,250
Tiền đang chuyển		
Tiền và các khoản tương đương tiền	218,258,309	160,146,274,258
Cộng	710,619,802,834	756,964,108,505

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2016 (VND)	31/12/2015 (VND)
Phải thu của khác hàng ngắn hạn	703,317,217,798	578,415,461,523
- Phải thu tiền điều hành bay	702,318,218,955	577,487,429,548
+ Điều hành bay quốc nội	96,952,952,993	73,246,609,952
<i>Trong đó một số khách hàng lớn</i>		
Viet Nam Airline	48,334,369,822	44,500,312,351
Vietjet Air	25,992,563,810	18,368,042,633
+ Điều hành bay quốc tế	605,365,265,962	504,240,819,596
<i>Trong đó một số khách hàng lớn</i>		
Cathay Pacific	21,773,940,380	23,350,700,500
Singapore Airlines	20,575,033,150	20,689,923,000
Airasia bhd	32,261,621,225	26,112,246,550
Business air center	25,203,987,874	25,407,702,190
Malaysia A/L (MAS)	16,261,638,720	9,247,123,850
Korean Airline co..Ltd	10,033,188,376	12,374,809,650
Asiana Airline Inc	7,839,853,550	9,640,416,350
Thai Air Asia Co..Ltd	18,017,238,750	16,577,915,100
Thai Airways	20,813,750,100	21,970,143,500
- Phải thu khác	998,998,843	928,031,975

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

5.3 Phải thu khác

	30/06/2016 (VND)	31/12/2015 (VND)
Ngắn hạn	71,227,152,356	63,123,959,092
Tạm ứng	3,831,405,278	786,674,725
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40,841,479,180	41,079,622,546
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2,591,107,902	2,049,555,556
Phải thu từ Công ty TNHH Kỹ thuật QLB		9,227,780,153
Phải thu từ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	13,018,436,284	248,304,182
Chi hộ cho Ban Quản lý dự án ATCC	3,493,635,727	3,493,635,727
Phải thu từ công ty Bảo hiểm Đông Đô, Hùng Vương	1,524,326,649	1,524,326,649
Chi phí di chuyển tuyến cáp chờ bồi thường	857,742,969	857,742,969
Phải thu khác	5,069,018,367	3,856,316,585
Dài hạn		7,070,902
- Ký cược, Ký quỹ		7,070,902
Cộng	71,227,152,356	63,131,029,994

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2016 (VND)	31/12/2015 (VND)
Hàng đang đi trên đường		
Nguyên liệu, vật liệu	8,884,884,551	11,427,663,682
Công cụ, dụng cụ	93,121,663	130,747,587
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Thành phẩm		
Hàng hoá		
Cộng	8,978,006,214	11,558,411,269

5.5 Chi phí trả trước

	30/06/2016 (VND)	31/12/2015 (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	3,082,967,279	30,685,854,577
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	595,068,095	24,147,869,274
Các khoản khác	2,487,899,184	6,537,985,303
Chi phí trả trước dài hạn	436,054,341	773,428,655
Phí tần số vô tuyến điện	156,394,843	487,413,642
Các khoản khác	279,659,498	286,015,013
Cộng	3,519,021,620	31,459,283,232

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	MÁY MÓC TBI	MÁY MÓC	DC ĐO LƯỜNG	TBI DỤNG CỤ	PHƯƠNG	NHÀ CỬA VẬT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG
	ĐỘNG LỰC	THIẾT BỊ CÔNG	ĐIỆN TỬ	QUẢN LÝ	TIỆN VẬN	KIẾN TRÚC	KHÁC	
		TÁC			TÀI			
NGUYÊN GIÁ TSCĐ								
Số đầu kỳ	194,004,817,887	1,603,987,200,534	211,327,470,175	57,874,870,476	35,558,888,085	1,006,106,355,871	2,237,443,311	3,111,097,046,339
Tăng trong kỳ	-	27,668,450,390	-	427,936,636	2,853,534,620	64,205,530,985	-	95,155,452,631
- Tăng do mua sắm	-	644,348,000	-	427,936,636	1,104,112,547	-	-	2,176,397,183
- Tăng do ĐTXDCBHT	-	13,185,780,871	-	-	881,839,091	32,260,103,556	-	46,327,723,518
- Tăng do điều chuyển	-	13,260,712,467	-	-	908,673,891	31,954,990,118	-	46,124,376,476
- Tăng do điều chỉnh	-	(42,000,000)	-	-	(41,090,909)	(9,562,689)	-	(92,653,598)
- Khác	-	619,609,052	-	-	-	-	-	619,609,052
Giảm trong kỳ	-	(15,412,219,812)	-	(149,300,206)	(908,673,891)	(31,954,990,118)	-	(48,425,184,027)
- Giảm do thanh lý	-	(1,458,364,454)	-	(149,300,206)	-	-	-	(1,607,664,660)
- Giảm do ĐC nội bộ	-	(13,260,712,467)	-	-	(908,673,891)	(31,954,990,118)	-	(46,124,376,476)
- Giảm do điều chỉnh	-	(693,142,891)	-	-	-	-	-	(693,142,891)
- Khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	194,004,817,887	1,616,243,431,112	211,327,470,175	58,153,506,906	37,503,748,814	1,038,356,896,738	2,237,443,311	3,157,827,314,943
GIÁ TRỊ ĐA HAO MÒN								
Số đầu kỳ	98,641,530,037	1,119,881,665,938	38,205,179,518	33,904,725,051	29,225,720,981	187,180,398,606	299,890,981	1,507,339,111,112
Tăng trong kỳ	-	597,431,942	-	-	2,442,672	-	-	599,874,614
- Do tăng nguyên giá	-	292,602,264	-	-	-	-	-	292,602,264
- Do điều chuyển	-	304,829,678	-	-	2,442,672	-	-	307,272,350
Giảm trong kỳ	-	(2,339,069,971)	-	(149,300,206)	(2,442,672)	-	-	(2,490,812,849)
- Do giảm nguyên giá	-	(2,034,240,293)	-	(149,300,206)	-	-	-	(2,183,540,499)
- Do điều chuyển	-	(304,829,678)	-	-	(2,442,672)	-	-	(307,272,350)
Khấu hao cơ bản	8,729,981,435	64,593,070,419	14,494,978,494	3,956,757,321	772,687,587	21,623,009,689	139,454,610	114,309,939,555
Số cuối kỳ	107,371,511,472	1,182,733,098,328	52,700,158,012	37,712,182,166	29,998,408,568	208,803,408,295	439,345,591	1,619,758,112,432
GIÁ TRỊ CÒN LẠI								
Số đầu kỳ	95,363,287,850	484,105,534,596	173,122,290,657	23,970,145,425	6,333,167,104	818,925,957,265	1,937,552,330	1,603,757,935,227
Số cuối kỳ	86,633,306,415	433,510,332,784	158,627,312,163	20,441,324,740	7,505,340,246	829,553,488,443	1,798,097,720	1,538,069,202,511

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Tài sản VH VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại đầu kỳ	118,477,848,475	118,477,848,475
- Mua trong năm		-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7,106,348,541	7,106,348,541
- Tăng khác	227,272,727	227,272,727
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Số dư cuối kỳ	125,811,469,743	125,811,469,743
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	29,723,542,841	29,723,542,841
- Khấu hao trong năm	8,192,749,221	8,192,749,221
- Tăng khác	37,878,789	37,878,789
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Số dư cuối năm	37,954,170,851	37,954,170,851
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại đầu kỳ	88,754,305,634	88,754,305,634
Số dư tại cuối kỳ	87,857,298,892	87,857,298,892

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016 (VND)	31/12/2015 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang:	152,740,516,679	136,735,281,910
<i>Trong đó các công trình lớn:</i>		
Nhà làm việc các đơn vị khu vực Gia lâm	12,248,228,988	
Đầu tư cơ sở kinh doanh dịch vụ tại TTVHHK	11,815,272,206	11,815,272,206
Đài KSKL Cảng HKQT Cát Bi	7,038,712,850	31,212,214,867
Đài kiểm soát không lưu Tuy Hòa	7,207,175,571	1,526,178,483
Trạm Rada Sơn Trà	98,833,552,240	82,253,501,026
Nhà điều hành Công ty Quản lý bay miền Trung	3,017,311,500	3,017,311,500

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2016 (VND)	31/12/2015 (VND)
Phải trả người bán ngắn hạn	76,370,444,483	64,457,452,016
<i>Trong đó các nhà cung cấp lớn:</i>		
Công ty cổ phần công nghệ thông tin GENPACIFIC	2,802,820,991	2,802,820,991
Tổng công ty xây dựng Hà nội - CTCP	8,287,759,654	1,941,006,744
Công ty TNHH một thành viên ứng dụng công nghệ mới và du lịch	1,687,120,854	1,687,120,854
Tổng công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Việt Nam	21,872,890,497	21,872,890,497
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu kỹ thuật (TECHNIMEX)	2,120,209,799	2,944,932,911
Tổng công ty 36	10,695,678,650	10,695,678,650
Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC-Công ty TNHH một thành viên	3,599,531,063	3,599,531,063
Cty TNHH một thành viên Duyên Hải	7,101,518,961	1,629,413,061
Công ty CP xây lắp thành an 96	2,623,506,324	-
CTy CP tập đoàn điện tử công nghiệp Việt Nam	2,286,950,850	2,286,950,850
Phải trả người bán dài hạn	24,387,000	88,042,921
Phải trả người bán dài hạn	24,387,000	88,042,921
Cộng	76,394,831,483	64,545,494,937

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
A	B	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	34,417,856,914	143,228,780,954	134,544,666,108	43,101,971,760
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	2,003,306,938	21,751,599,243	23,239,488,468	515,417,713
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12				
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13				
Thuế Xuất, nhập khẩu	14				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	31,400,621,195	79,682,177,862	71,420,018,593	39,662,780,464
Thuế Tài nguyên	16				
Thuế đất phi NN	17		281,588,580	281,588,580	
Tiền thuê đất	18		15,816,795,973	15,767,897,893	48,898,080
Các khoản thuế khác	19	1,013,928,781	25,696,619,296	23,835,672,574	2,874,875,503
Thuế môn bài			8,000,000	8,000,000	
Thuế thu nhập cá nhân		1,013,928,781	22,396,783,683	20,535,836,961	2,874,875,503
Các loại thuế khác			3,291,835,613	3,291,835,613	
Các khoản phải nộp khác	30	456,315,024,357	945,382,626,238	922,957,957,421	478,739,693,174
Các khoản phụ thu	31				
Các khoản phí, lệ phí	32	427,424,898,666	813,313,089,953	828,192,040,969	412,545,947,650
Thu lợi nhuận sau thuế và nộp khác	33	28,890,125,690	132,069,536,285	94,765,916,452	66,193,745,523
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	490,732,881,270	1,088,611,407,192	1,057,502,623,529	521,841,664,933

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2016	31/12/2015
	(VND)	(VND)
Phí nhượng quyền khai thác Cảng hàng không	16,010,280,000	8,056,785,000
Dịch vụ bổ sung điều hành bay	19,875,020,000	19,656,120,000
Dịch vụ dẫn đường hàng không, dịch vụ ADSB, dịch vụ AMHS dịch vụ công nghệ thông tin	44,608,845,906	39,795,227,691
Trích trước chi phí KH TSCĐ vượt khung 2 lần	103,995,209,136	
Trích trước các chi phí đảm bảo hoạt động khác	55,228,585,839	5,030,467,035
Cộng	239,717,940,881	72,538,599,726

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2016	31/12/2015
	(VND)	(VND)
A. Phải nộp, phải trả ngắn hạn	34,440,462,766	27,164,642,082
Nhận tiền điều hành bay không xác định rõ số hóa đơn, trả trùng, trả thừa	15,801,423,695	7,628,744,415
Nhận giá trị Đài KSKL Phú Quốc	10,590,709,411	10,590,709,411
Trung tâm kiểm soát không lưu ATCC/HN		1,936,862,843
Nhận giá trị Đài KSKL Cần Thơ	1,336,396,340	1,336,396,340
Kinh phí đóng góp sửa chữa Bảo tàng HK	1,000,000,000	1,000,000,000
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1,236,710,270	402,501,001
Phải trả khác	4,475,223,050	4,269,428,072
B. Phải nộp phải trả dài hạn	26,628,906,467	23,533,192,727
Ký cược, kỹ quỹ điều hành bay	25,755,381,083	23,522,192,727
Ký cược, kỹ quỹ khác	873,525,384	11,000,000
	61,069,369,233	50,697,834,809

5.13 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2016	31/12/2015
	(VND)	(VND)
Vay dài hạn	14,609,813,668	10,021,116,357
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở chính (Dự án Đài KSKL Tuy Hòa)	14,480,980,768	10,021,116,357
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (Trạm Radar thứ cấp Quy Nhơn)	128,832,900	
Cộng	14,609,813,668	10,021,116,357

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

5.14 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>LN sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2,006,090,104,063		420,553,355,170	2,960,225,046		2,429,603,684,279
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước				492,301,873,240		492,301,873,240
Phân phối lợi nhuận năm trước			155,915,209,881	(490,263,295,319)	176,806,480,619	(157,541,604,819)
Tăng khác		6,225,604,384	768,964,679		12,027,342,696	19,021,911,759
Giảm khác		(6,225,604,384)	(647,431,029)	(4,177,783,739)	(188,833,823,315)	(199,884,642,467)
31/12/2015	2,006,090,104,063		576,590,098,701	821,019,228	-	2,583,501,221,992
Số dư cuối đầu năm nay	2,006,090,104,063		576,590,098,701	821,019,228		2,583,501,221,992
Tăng vốn trong năm nay						-
Lãi trong kỳ này				316,681,224,267		316,681,224,267
Phân phối lợi nhuận trong kỳ nay			94,992,990,513	(316,643,301,712)	131,968,672,328	(89,681,638,871)
Tăng khác		203,460,455				203,460,455
Giảm khác		(203,460,455)			(131,968,672,328)	(132,172,132,783)
Số cuối kỳ	2,006,090,104,063	-	671,583,089,214	858,941,783	-	2,678,532,135,060

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	30/06/2016 (VND)	30/06/2015 (VND)
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	1,415,027,286,449	1,050,782,712,857
Doanh thu điều hành bay qua	663,364,302,066	461,376,349,320
Doanh thu điều hành bay đi đến	479,776,325,868	391,019,025,688
Doanh thu điều hành bay quốc nội	264,632,726,727	191,238,524,728
Doanh thu AIP, khác trong công ích	843,215,046	728,931,196
Doanh thu cung cấp DV ngoài công ích	6,410,716,742	6,419,881,925

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	30/06/2016 (VND)	30/06/2015 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	13,772,743,895	10,028,151,422
Giảm giá thu điều hành bay qua		63,193,810
Giảm giá thu điều hành bay đi đến	5,616,080,973	4,765,653,977
Giảm giá thu điều hành bay quốc nội	8,156,662,922	5,199,303,635

6.3 Doanh thu thuần

	30/06/2016 (VND)	30/06/2015 (VND)
D. thu thuần cung cấp dịch vụ	1,401,254,542,554	1,040,754,561,435
Doanh thu thuần hoạt động hàng không	1,394,843,825,812	1,034,334,679,510
Doanh thu thuần hoạt động khác	6,410,716,742	6,419,881,925
Doanh thu bán hàng hóa		

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	30/06/2016 (VND)	30/06/2015 (VND)
Giá vốn hoạt động hàng không	1,009,530,121,039	751,113,443,607
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	1,222,199,705	3,242,611,910
Giá vốn bán hàng hóa		
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
Cộng	1,010,752,320,744	754,356,055,517

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	30/06/2016 (VND)	30/06/2015 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,338,153,315	3,852,534,728
Cổ tức lợi nhuận được chia		8,263,457,267
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,520,182,632	5,603,546,544
Lãi từ hoạt động bán ngoại tệ	2,482,981,505	3,868,799,294
Cộng	11,341,317,452	21,588,337,833

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	30/06/2016 (VND)	30/06/2015 (VND)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4,031,760,077	2,340,677,367
Lỗ bán ngoại tệ	886,838,573	279,821,336
Cộng	4,918,598,650	2,620,498,703

6.7 Thu nhập khác

	30/06/2016 (VND)	30/06/2015 (VND)
Thu từ cho thuê mặt bằng, điện nước	251,274,509	118,414,701
Phạt vi phạm hợp đồng	24,345,430	9,540,000
Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng	3,545,000,000	
Thu từ thanh lý tài sản cố định		1,976,590,719
Thu nhập khác	508,558,069	300,379,081
Cộng	4,329,178,008	2,404,924,501

6.8 Chi phí khác khác

	30/06/2016 (VND)	(VND) (VND)
Giá trị CCDC không sử dụng thanh lý	3,968,290,349	
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý		1,974,590,719
Lãi chậm nộp	657,679,525	7,972,274,281
Chi phí khác	264,746,617	153,680,367
Cộng	4,890,716,491	10,100,545,367

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	30/06/2016	30/06/2015
	(VND)	(VND)
Tổng quỹ lương	393,615,110,484	292,694,987,533
Chi ăn ca	6,280,764,299	6,450,863,597
BHXH, BHYT, KPCD, TCTN	27,144,809,684	13,872,997,533
Bảo quản sửa chữa thường xuyên	21,424,506,443	12,791,977,442
Sửa chữa lớn tài sản cố định	17,471,277,197	6,275,161,500
Nhiên liệu, điện, nước	13,909,898,653	14,147,045,886
Chi quản lý đảm bảo hoạt động	71,283,807,018	74,644,616,691
Chi khấu hao TSCĐ	225,900,248,414	122,489,709,571
Công cụ, dụng cụ lao động - văn phòng	27,340,186,374	26,919,041,926
Chi đào tạo, ứng dụng KHCN	14,807,316,111	11,219,016,267
Chi bảo hiểm TS, trách nhiệm người ĐHB	9,591,946,240	9,234,248,851
Chi trả dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay	36,842,800,000	33,334,600,000
Chi bay hiệu chuẩn	2,046,562,560	1,650,000,000
Chi phí cước điện thoại, thuê kênh vệ tinh	11,181,269,935	10,818,053,322
Chi diễn tập	15,773,635	650,406,750
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	3,685,749,781	6,918,938,738
Phí nhượng quyền khai thác cảng HK	45,153,075,000	35,612,278,000
Chi phí dịch vụ dẫn đường HK	60,824,000,000	58,205,000,000
Dịch vụ giám sát tự động phụ thuộc ADS-B	12,713,000,000	9,415,000,000
Dịch vụ AMHS	2,169,500,000	2,169,500,000
Dịch vụ Raim	953,519,211	1,600,000,000
Dịch vụ VHF	5,175,000,000	
Cộng	1,009,530,121,039	751,113,443,607

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2016 và đến ngày 30/06/2016

.6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>30/06/2015</u> (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	79,682,177,862	65,423,499,063
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay		
Cộng	<u>79,682,177,862</u>	<u>65,423,499,063</u>
(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế đến ngày 30/06/2016		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	396,363,402,129	
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	<i>2,047,487,177</i>	
Tổng thu nhập chịu thuế:	398,410,889,306	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	79,682,177,862	



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

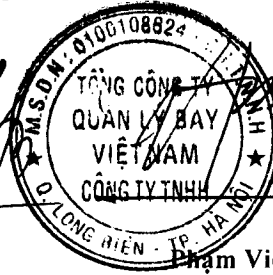
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Thị Kim Hoa



Ngô Thị Quỳnh Hà



Phạm Việt Dũng